TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2017/HNGĐ-PT Ngày 28 - 9 - 2017 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Lệ Hường;

Các Thẩm phán: Ông Chu Thế Vương;

Bà Lương Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Phương Thảo – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mông Thị Mai Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2017/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 11/2017/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 66/2017/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2017/QĐ-PT ngày 19 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh M, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn - Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông H1, Luật sư Văn phòng Luật sư S thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn - Có mặt;

- *Bị đơn*: Chị H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn - Có mặt;

- *Người kháng cáo*: Chị H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh M và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn ngày 04/9/2015. Trước khi kết hôn, anh M và chị H được tự do tìm hiểu và đã được gia đình chị H tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, do điều kiện công tác nên anh M và chị H không có thời gian sống chung với nhau. Từ đó, giữa hai người nảy sinh mâu thuẫn và đều xác định không còn tình cảm vợ chồng.

Về con chung, anh M và chị H có một con chung là cháu T, sinh ngày 11/10/2015, hiện nay đang sống với chị H. Anh chị không có tài sản chung, nợ chung.

Ngày 12/4/2016 Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn đã thụ lý vụ án hôn nhân gia đình theo đơn khởi kiện của anh M về việc xin ly hôn với chị H, tuy nhiên lúc đó con chung của anh chị chưa đủ 12 tháng tuổi nên Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Ngày 18/4/2017 anh M tiếp tục có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị H.

Tại bản án hôn nhân và gia đình số 11/2017/HNGĐ-ST ngày 25/7/2017, Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 3 Điều 81, các Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh M được ly hôn với chị H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con của anh M, trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 02/8/2017, chị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung yêu cầu được đoàn tụ với anh M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, chị H đồng ý ly hôn vì chưa suy nghĩ kỹ. Nay suy nghĩ lại, chị H thấy con còn quá nhỏ, bản thân chưa có việc làm, điều kiện kinh tế khó khăn, do đó, chị H mong anh M đồng ý đoàn tụ.

Anh M không đồng ý đoàn tụ với chị H.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của anh M trình bày: Anh M và chị H không còn tình cảm vợ chồng. Việc chị H thường xuyên gửi đơn tố cáo anh M làm ảnh hưởng đến công việc của anh M, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các

đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của người kháng cáo: Chị H kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, do đó, kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: Quá trình giải quyết vụ án, chị H thừa nhận vợ chồng có mẫu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn và không có biện pháp hàn gắn. Hơn nữa, bản thân chị thường xuyên có đơn tố cáo anh M và gửi đến đơn vị nơi anh M công tác. Do đó, kháng cáo yêu cầu đoàn tụ của chị H không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 11/2017/HNGĐ-ST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị H và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật. Tại bản cam kết của anh M ngày 29/8/2015 thể hiện trước khi kết hôn, anh M và chị H đã xảy ra mâu thuẫn. Sau khi kết hôn, anh chị không có thời gian sống chung với nhau, chị H nghi ngờ anh M có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con. Tháng 4/2016 anh M đã khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị H nhưng do con chung của anh chị chưa đủ 12 tháng tuổi nên Tòa án đã quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

[2] Sau đó, chị H liên tục làm đơn tố cáo anh M gửi đến các cấp quản lý của anh M. Việc làm của chị H đã thể hiện sự thiếu tôn trọng, không giữ gìn và bảo vệ danh dự, uy tín của anh M. Do đó, mâu thuẫn giữa anh M và chị H càng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản án sơ thẩm đã quyết định cho anh M được ly hôn với chị H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Chị H kháng cáo yêu cầu đoàn tụ, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, chị H cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và không có biện pháp gì để hàn gắn. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo yêu cầu đoàn tụ của chị H.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị H kháng cáo đối với bản án sơ thẩm nhưng không được chấp nhận, do đó phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 11/2017/HNGĐ-ST ngày 25/7/2017 Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn, phần về quan hệ hôn nhân, cụ thể:

Cho anh M được ly hôn với chị H.

2. Án phí phúc thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 03675 ngày 04/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chị H nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các nội dung khác của bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã T, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Lệ Hường